

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành “Quy định Chuẩn trình độ ngoại ngữ trong tuyển sinh và đào tạo Sau Đại học tại Trường Đại học Bách Khoa – ĐHQG-HCM”**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc Ban hành Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 767/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 12 tháng 9 năm 2006 của Giám đốc Đại học Quốc gia Tp.HCM về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách Khoa và Quyết định số 803/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Giám đốc Đại học Quốc gia Tp.HCM về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều 15 Quy chế về tổ chức & hoạt động của Trường Đại học Bách Khoa;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 của Quốc hội và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục Đại học” của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ” và Thông tư số 21/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ” của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04/12/2021 về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ” và Quyết định số 1736/QĐ-ĐHQG ngày 29/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ của Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03/11/2021 về việc ban hành “Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ” của Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo ý kiến thống nhất của Hội đồng học vụ Sau Đại Học và đề nghị của Ông Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Quy định Chuẩn trình độ ngoại ngữ trong tuyển sinh và đào tạo Sau Đại học tại Trường Đại học Bách Khoa – ĐHQG-HCM.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.



**Điều 3.** Các Ông/ Bà Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học, Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Khoa quản lý ngành, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTSĐH, P.ĐT, TTNN.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Thiên Phúc**



**QUY ĐỊNH**  
**Chuẩn trình độ ngoại ngữ trong tuyển sinh và đào tạo Sau Đại học**  
**tại Trường Đại học Bách Khoa – ĐHQG-HCM**

(Ban hành kèm Quyết định số: 552/QĐ-ĐHBK ngày 09 tháng 12 năm 2022 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa – ĐHQG-HCM)

**CHƯƠNG I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định về chuẩn trình độ ngoại ngữ trong tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ và trình độ Tiến sĩ tại Trường Đại học Bách Khoa – ĐHQG-HCM (ĐHBK), bao gồm: chuẩn trình độ ngoại ngữ, văn bằng, chứng chỉ công nhận và lộ trình thực hiện.
2. Quy định này áp dụng cho các chương trình giảng dạy bằng tiếng Việt.

**Điều 2. Ngoại ngữ**

1. Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ của Trường ĐHBK là một trong các ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc.

**CHƯƠNG II**  
**CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ**

**Điều 3. Chuẩn trình độ ngoại ngữ đối với người học**

1. Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ:
  - a. Chuẩn trình độ ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây gọi tắt là KNLNNVN) tương đương B1 theo CEFR;
  - b. Thí sinh được xét công nhận chuẩn đầu vào ngoại ngữ nếu có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường ĐHBK cấp trong thời gian không quá 02 năm từ ngày tốt nghiệp đến ngày đăng ký dự tuyển và chuẩn ngoại ngữ đầu ra của chương trình đại học đạt trình độ Bậc 3 trở lên trong KNLNNVN.
  - c. Thí sinh được xét công nhận chuẩn đầu vào ngoại ngữ nếu có bằng tốt nghiệp chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) được ủy ban cấp bằng kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng.

2. Đào tạo trình độ Thạc sĩ: chuẩn ngoại ngữ trong quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ được quy định cụ thể như sau:

Chuẩn ngoại ngữ	Học phần ngoại ngữ yêu cầu	Chứng chỉ Tiếng Anh tương đương
Năm thứ 2 (đăng ký từ tín chỉ 31 trở đi)	Anh văn 1 (Anh văn cơ bản)	TOEIC: Nghe – đọc 650; Nói viết: 270; IELTS: 4.5; TOEFL iBT: 35.
Bảo vệ Luận văn Thạc sĩ	Anh văn 1, 2 (Anh văn cơ bản, Anh văn cơ sở)	TOEIC: Nghe – đọc: 785; Nói viết: 310; IELTS: 5.5; TOEFL iBT: 46; Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4/6 theo KNLNNVN

Trong quá trình học, học viên có thể dùng các chứng chỉ Anh văn quốc tế còn hiệu lực để xét đạt chuẩn ngoại ngữ năm thứ 2 và chuẩn ngoại ngữ nhận luận văn thạc sĩ.

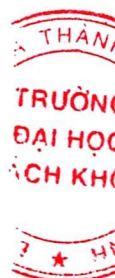
3. Tốt nghiệp trình độ thạc sĩ: chuẩn trình độ ngoại ngữ tốt nghiệp tối thiểu bậc 4/6 theo KNLNNVN, tương đương B2 theo CEFR.
4. Tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ: chuẩn trình độ ngoại ngữ tuyển sinh và tốt nghiệp tối thiểu bậc 4/6 theo KNLNNVN, tương đương B2 theo CEFR.

#### Điều 4. Văn bằng, chứng chỉ được sử dụng công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ

1. Văn bằng:
- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian tại nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là một trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn;
  - Có bằng tốt nghiệp các chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh không qua phiên dịch được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận.
  - Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài là một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

2. Chứng chỉ ngoại ngữ:

STT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Thang điểm tối thiểu tương đương B1	Thang điểm tối thiểu tương đương B2
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	40	46
		IELTS	4.0	5.5
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 Đọc: 275 Nói: 120 Viết: 120	Nghe: 400 Đọc: 385 Nói: 160 Viết: 150



		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160
		Chứng chỉ/Chứng nhận ngoại ngữ của các CSĐT được Bộ GDĐT và ĐHQG-HCM phê duyệt	Bậc 3/6 (B1)	Bậc 4/6 (B2)
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe- Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3	TestDaF Bậc 4
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	JLPT N4	JLPT N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2
7	Tiếng Hàn	TOPIK	TOPIK Level 3	TOPIK Level 4

- a. Thời hạn công nhận chứng chỉ: trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận đến ngày đăng ký xác nhận đạt chuẩn.

### CHƯƠNG III

#### TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ THI HÀNH

##### Điều 5. Lộ trình thực hiện

1. Trình độ Thạc sĩ: áp dụng quy định này từ Khóa tuyển sinh 2022 trở đi.
2. Trình độ Tiến sĩ: áp dụng quy định này từ Khóa tuyển sinh 2022 trở đi.

##### Điều 6. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, tùy theo yêu cầu thực tế, Quy định này sẽ được sửa đổi phù hợp. Việc sửa đổi Quy định này do Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa – ĐHQG-HCM xem xét và quyết định./.



